

Số: 133/2018/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 04 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 110/2018/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2018
giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1981;

Nơi ĐKNKTT: Số nhà 19, tổ 13, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 17 xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

*** Bị đơn:** Anh **Dương Văn Q**, sinh năm 1977;

Nơi ĐKNKTT: Số nhà 19, tổ 13, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 17 xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Tuyên Quang- Phòng
giao dịch Phan Thiết**

Địa chỉ: Tổ 36 phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Người đại diện: Ông Lê Chí N – Chức vụ: trưởng phòng giao dịch.

+ **Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Tuyên Quang.**

Người đại diện: Ông Nguyễn Đức H – Giám đốc

Địa chỉ: Số 4 đường Bình Thuận, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang .

+ Ông Quyền Đình T, sinh năm 1963 và vợ là Phan Thị Hương - sinh năm:
1968

Cùng địa chỉ: Xóm 17 xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và
gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016
quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25
tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Dương Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

* Về con chung: Giao các con chung là Dương Thuý L, sinh ngày 12/3/2002 và Dương Minh H, sinh ngày 28/12/2009 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Dương Văn Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Dương Minh H số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng, việc cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Ghi nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Dương Văn Q về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

+ Chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền sở hữu và sử dụng:

- Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 5 có diện tích đất 46,8m² đã được UBND huyện Yên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 949631, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01415 cấp ngày 27/12/2003 mang tên chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Dương Văn Q và tài sản trên đất là ngôi nhà 02 tầng

- Thửa đất số 172, tờ bản đồ số 05 có diện tích đất 152,0m² đã được UBND huyện Yên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 984150, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01863 cấp ngày 21/4/2015 mang tên chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Thửa đất số 169, tờ bản đồ trích đo hiện trạng sử dụng đất để cấp giấy CNQSDĐ số 05 có diện tích đất 132,4m² đã được UBND huyện Yên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 984007, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01832 cấp ngày 13/01/2015 mang tên Nguyễn Thị Thanh T.

- Tài sản vật dụng trong gia đình.

+ Chị Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm trả số tiền chênh lệch do chia tài sản chung của vợ chồng cho anh Dương Văn Q là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*).

* Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Tuyên Quang- Phòng giao dịch Phan Thiết toàn bộ số tiền nợ của hợp đồng số 76/2017/-HĐCVTL/NHCT174-PGDPT ký ngày 05/4/2017 là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) và các khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong hợp đồng.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Tuyên Quang toàn bộ số tiền còn lại của

hợp đồng tín dụng số 01/2016/6746042/HĐTD ký ngày 09/9/2016, hợp đồng tín dụng số 01/2017/6746042/HĐTD ký ngày 08/6/2017 và hợp đồng tín dụng số 01/2014/6746042/HĐTD ký ngày 30/3/2015 là 298.650.000đ (*Hai trăm chín mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) và các khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các hợp đồng.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho ông Quyền Đình T và bà Phan Thị Hương (Địa chỉ: Xóm 17 xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) số tiền nợ gốc là 360.000.000đ và các khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ theo giấy vay tiền đã ký ngày 29/02/2016 mang tên người vay anh Dương Văn Q, chị Nguyễn Thị Thanh T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện nộp 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N^o 0005186 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị T số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Dương Văn Q phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND p. Phan Thiết (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Hà

